

Bản án số: 111/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17 - 7- 2020

V/v ly hôn giữa chị Th và anh Tr

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng

2. Ông Vũ Đức Khang

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020. Về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Ng đơn: Chị Bùi Thị Th - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Bùi Văn Tr - Sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị Th và anh Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 15/5/2020 cũng như lời khai của chị Bùi Thị Th trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Văn Tr vào tháng 12/2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, Ng nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, anh Tr không quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ

chồng giữa chị và anh Tr không được cải thiện. Từ tháng 4/2020 đến nay chị và anh Tr sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Tr không còn nên chị xin được ly hôn anh Bùi Văn Tr. Về con chung giữa chị và anh Bùi Văn Tr có một con chung là Bùi Đăng Ng sinh ngày 13/12/2017, khi vợ chồng sống ly thân thì chị nuôi dưỡng cháu Ng nhưng gần đây anh Tr đón cháu Ng về nuôi dưỡng. Nay chị xin được trực tiếp nuôi cháu Ng và yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ khi Tòa án giải quyết cho ly hôn đến khi cháu Ng trưởng thành tự lập được. Về tài sản chung chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phía bị đơn là anh Bùi Văn Tr trong quá trình giải quyết có lời khai trình bày đúng như lời khai của chị Bùi Thị Th về quá trình kết hôn và chung sống giữa anh và chị Th. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 10/2019, Ng nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 4/2020 thì chị Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh đến nay. Đã nhiều lần anh tìm gọi chị Th về đoàn tụ nhưng chị Th không chấp nhận. Nay chị Th xin ly hôn anh thì anh không nhất trí vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và vì con chung còn nhỏ nên anh mong chị Th suy nghĩ lại về đoàn tụ. Về con chung giữa anh và chị Bùi Thị Th có một con chung Bùi Đăng Ng sinh ngày 13/12/2017. Hiện cháu Ng đang do anh nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn thì anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Nếu chị Th được quyền nuôi con thì anh xin cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ khi Tòa án giải quyết cho ly hôn đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử ly hôn giữa chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn Tr; Về con chung: Giao cháu Bùi Đăng Ng sinh ngày 13/12/2017 cho chị Bùi Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh Bùi Văn Tr phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Th mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ khi ly hôn cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn Tr đều cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N. Nay chị Bùi Thị Th có đơn xin ly hôn anh Bùi Văn Tr và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn Tr được tổ chức kết hôn vào tháng 12/2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Th anh Tr chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, Ng nhân là do hai bên hông hợp tính nhau, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Hai bên gia đình đã nhiều lần động viên, khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Tr không được cải thiện. Từ tháng 4/2020 đến nay chị Th và anh Tr đã sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh Tr đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị Th xin ly hôn anh Tr nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc anh Tr không nhất trí ly hôn chị Th với lý do vợ chồng vẫn còn tình cảm và vì con chung còn nhỏ, thấy không có cơ sở nên yêu cầu của anh Bùi Văn Tr không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn Tr có một con chung là Bùi Đăng Ng sinh ngày 13/12/2017, hiện đang do anh Tr nuôi dưỡng. Nay chị Th và anh Tr đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng, thấy chị Th và anh Tr đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung nhưng hiện tại cháu Ng chưa đủ 36 tháng tuổi. Do vậy giao cháu Ng cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, thấy chị Th yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ khi ly hôn cho đến khi con trưởng thành và anh Tr cũng nhất trí nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn Tr đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của anh chị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và anh Bùi Văn Tr phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị Th và anh Bùi Văn Tr.

2- Về con chung: Giao cháu Bùi Đăng Ng sinh ngày 13/12/2017 cho chị Bùi Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Bùi Đăng Ng đang do anh Bùi Văn Tr nuôi dưỡng), anh Bùi Văn Tr có trách nhiệm giao cháu Bùi Đăng Ng cho chị Bùi Thị Th nuôi dưỡng. Buộc anh Bùi Văn Tr phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Bùi Thị Th mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu Bùi Đăng Ng trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Về án phí:

Về án dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị Th phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2019/0001656 ngày 18/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị Bùi Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Bùi Văn Tr phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Th và anh Tr. Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Văn Rạng

Vũ Đức Khang

Trần Xuân Dũng